

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100606 - T ấ n ấ g đ ấ g 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041924	36CCĐ5	Nguy n Ho ấ ng Anh	04/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3671041608	36CCĐ5	Tr ấ ng M nh C ấ g	11/01/1994				4.0			4.0	1.2	4.3	3.0	4.2	
3	3671041880	36CCĐ5	Nguy n V ấ h Ch t	01/01/1993				6.5			6.5	2.0	7.3	5.1	7.1	
4	3671041835	36CCĐ5	Tr ấ ng ấ nh B o Duy	05/10/1994				0.0			0.0	0.0	4.8	3.4	3.4	
5	3671041927	36CCĐ5	Cao V ấ h D ấ g	14/07/1993				0.0			0.0	0.0	3.0	2.1	2.1	
6	3671041892	36CCĐ5	H ấ V ấ h D ấ g	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671041899	36CCĐ5	Nguy n Ti n D ấ g	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3671041904	36CCĐ5	Tr n Qu c D ấ g	06/08/1994				2.5			2.5	0.8	1.8	1.3	2.0	
9	3671042018	36CCĐ5	Tr n Xu ấ n D ấ g	08/02/1993				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
10	3671041659	36CCĐ5	Hoàng ấ t	25/09/1993				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
11	3671041932	36CCĐ5	Hoàng Minh H i	12/04/1994				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
12	3671041971	36CCĐ5	Nguy n Th ấ nh Hi u	11/10/1992				6.5			6.5	2.0	2.3	1.6	3.6	
13	3671041673	36CCĐ5	Huỳnh Quang Hi u	23/04/1994				4.5			4.5	1.4	5.3	3.7	5.1	
14	3671041923	36CCĐ5	Nguy n V ấ h Hi u	02/06/1994				1.0			1.0	0.3	4.3	3.0	3.3	
15	3671041929	36CCĐ5	Tr n Trung Hi u	11/11/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	N HP
16	3671041831	36CCĐ5	Huỳnh Xu ấ n Hoàng	31/01/1994				7.5			7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
17	3671041656	36CCĐ5	L ấ B o Huy	11/06/1994				8.5			8.5	2.6	5.3	3.7	6.3	
18	3671041926	36CCĐ5	Nguy n Ph c Huy	16/05/1994				2.5			2.5	0.8	1.5	1.1	1.8	
19	3671041657	36CCĐ5	Nguy n Tr ấ ng Kiên	16/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100606 - T ấ n ấ g d ấ g 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041625	36CCĐ5	H Th K ấ t	22/12/1993				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
21	3671041888	36CCĐ5	L 2 V ấ N ấ Khanh	12/07/1993				6.5			6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
22	3671041579	36CCĐ5	H ồ ấ g ấ n ấ nh Linh	30/08/1994				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
23	3671042045	36CCĐ5	X ồ nh Ph ấ i Linh	10/11/1993				5.5			5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	
24	3671041560	36CCĐ5	L u V ấ N ấ Long	01/01/1994				5.5			5.5	1.7	5.3	3.7	5.4	
25	3671041890	36CCĐ5	L ồ Ho ầ ng Lu t	15/11/1985				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3671041843	36CCĐ5	H ồ y nh Ph ấ p	24/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671041679	36CCĐ5	B ấ i L 2 Tu n Phong	07/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3671041535	36CCĐ5	Nguy n Kh c Ph ấ ng Quang	10/09/1994				4.0			4.0	1.2	3.3	2.3	3.5	
29	3671041647	36CCĐ5	Nguy n Thanh Qu ầ n	21/03/1994				1.0			1.0	0.3	2.3	1.6	1.9	
30	3671041885	36CCĐ5	T ồ Minh Qu ấ i	07/12/1994				6.5			6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
31	3671041930	36CCĐ5	Nguy n V ấ N ấ Sang	06/06/1992				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
32	3671041998	36CCĐ5	Nguy n V ấ N ấ Sinh	25/09/1994				3.0			3.0	0.9	5.3	3.7	4.6	
33	3671041642	36CCĐ5	ấ ồ m V ấ N ấ S n	01/02/1994				3.5			3.5	1.1	4.3	3.0	4.1	
34	3671041856	36CCĐ5	Ho ầ ng Minh Tài	20/08/1994				6.5			6.5	2.0	1.5	1.1	3.0	
35	3671042031	36CCĐ5	L 2 Nh t Tân	06/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3671041569	36CCĐ5	ấ ấ g H u T ấ n	07/11/1993				0.0			0.0	0.0	4.0	2.8	2.8	
37	3671041830	36CCĐ5	D ấ g Ng c T ấ n	16/10/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
38	3671041621	36CCĐ5	L ấ g Anh T ấ n	02/04/1994				1.0			1.0	0.3	2.3	1.6	1.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067100606 - T ấ n ấ g đ ấ g 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041652	36CCĐ5	Nguy n H u	Ti n	22/08/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
40	3671041653	36CCĐ5	Ph m Ng c	Tu ấ n	10/07/1992				4.5			4.5	1.4	3.5	2.5	3.8	
41	3671041628	36CCĐ5	Phan Anh	Tu n	04/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	3671041662	36CCĐ5	Tô Thanh	Tu n	20/07/1993				3.5			3.5	1.1	3.0	2.1	3.2	
43	3671041635	36CCĐ5	Nguy n Ho ấ ng	Tú	12/02/1994				2.5			2.5	0.8	4.3	3.0	3.8	
44	3671041616	36CCĐ5	Nguy n C ấ ng	Th ấ nh	23/11/1993				4.5			4.5	1.4	4.0	2.8	4.2	
45	3671041901	36CCĐ5	ấ ng B ấ	Thi	06/09/1994				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
46	3671041829	36CCĐ5	Tr n Ch ấ	Thi n	04/05/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
47	3671041622	36CCĐ5	L 2 Qu c	Th nh	26/12/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
48	3671041639	36CCĐ5	L 2 Ng c	Th ấ ng	28/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	N HP
49	3671041837	36CCĐ5	V ấ ng Hu ấ nh	Tri u	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
50	3671041574	36CCĐ5	Nguy n H ấ ng Gia	Uy	22/11/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
51	3671041985	36CCĐ5	Vô Th ấ nh	Uy ấ n	10/04/1994				0.0			0.0	0.0	1.8	1.3	1.3	N HP
52	3671041571	36CCĐ5	Tô Th ấ i	Vi n	14/08/1994				5.5			5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
53	3671041959	36CCĐ5	Tr n Qu c	Vi t	30/03/1994				7.0			7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
54	3671041893	36CCĐ5	V ấ V ấ ấ	Vinh	08/03/1993				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
55	3671041951	36CCĐ5	Nguy n S	V ấ O	17/03/1992				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
56	3671041845	36CCĐ5	Tr nh H u	Ý	06/01/1994				0.0			0.0	0.0	3.0	2.1	2.1	N HP

T ñg s : 56 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa